

CẢM THỨC CÔ ĐƠN, NỔI LOẠN TRONG LẠC ĐẠN CỦA TRẦN THỊ NGH

Nguyễn Mạnh Tuyên¹ và Hà Thị Thu Phương^{2*}

¹Trường Trung học phổ thông Ngô Gia Tự, Tây Ninh, Việt Nam

²Viện Sau đại học, Trường Đại học Văn Lang, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Hà Thị Thu Phương, Email: phuong.htt@vlu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 23/6/2023; Ngày nhận chỉnh sửa: 24/8/2023; Ngày duyệt đăng: 30/10/2023

Tóm tắt

Trần Thị NGH là nhà văn nữ tiêu biểu của văn xuôi đô thị miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975. Khác với Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Thị Hoàng, Túy Hồng,... và nhiều nhà văn nữ xuất hiện trước đó, Trần Thị NGH đến với văn đàn muộn hơn nhưng ngay lập tức được người đọc chú ý bởi cách viết và tình thần hiện sinh đậm nét. "Lạc đạn" là một trong những tác phẩm hay và tiêu biểu của Trần Thị NGH. Bài viết này không phân tích tất cả mọi biểu hiện của tư tưởng hiện sinh thể hiện trong tác phẩm, mà chủ yếu tập trung phân tích cảm thức cô đơn và nổi loạn thể hiện qua nhân vật Nguyệt trong "Lạc đạn", qua đó đánh giá, khẳng định sự du nhập và ảnh hưởng của tư tưởng hiện sinh vào văn chương miền Nam những năm 1954-1975 đồng thời giúp độc giả có cái nhìn sâu hơn về đặc điểm và phong cách sáng tác của nhà văn.

Từ khóa: Cảm thức hiện sinh, cô đơn, Lạc đạn, nổi loạn, Trần Thị NGH.

LONELINESS, REBELLION IN STRAY BULLET BY TRAN THI NGH

Nguyen Manh Tuyen¹ and Ha Thi Thu Phuong^{2*}

¹Ngo Gia Tu High School, Tay Ninh province, Vietnam

²Institute of Postgraduate Education, Van Lang University, Vietnam

*Corresponding author: Ha Thi Thu Phuong, Email: phuong.htt@vlu.edu.vn

Article history

Received: 23/6/2023; Received in revised form: 24/8/2023; Accepted: 30/10/2023

Abstract

Tran Thi NGH is a typical female writer of urban prose in Southern Vietnam in the period 1954 - 1975. Unlike Nguyen Thi Thuy Vu, Nguyen Thi Hoang, Tuy Hong, .. and many other female writers, Tran Thi NGH joined the literature career at a later age, but was immediately recognized for her bold writing style and existential spirit. "Stray Bullets" is one of her good and typical works. This article does not analyze all manifestations of existential thought expressed in the work, but mainly focuses on analyzing the loneliness and rebellion articulated in the character Nguyệt in "Stray Bullets", representing influence of existential thought into Southern literature in the years 1954-1975 and at the same time helping readers have a deeper look at the writer's characteristics and writing style.

Keywords: Existential sense, lonely, Stray Bullet, rebellious, Tran Thi NGH.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.4.2024.1264>

Trích dẫn: Nguyễn, M. T., & Hà, T. T. P. (2024). Cảm thức cô đơn, nổi loạn trong *Lạc đạn* của Trần Thị NGH. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(4), 87-94. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.4.2024.1264>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

1. Đặt vấn đề

“Triết học hiện sinh là triết học về ý nghĩa cuộc nhân sinh và nói tắt là triết học về con người [...] Bất cứ khuynh hướng nào trong triết học hiện sinh đều là triết học về con người, trước khi là triết học về vũ trụ” (Trần, 2018, tr. 22-23). Vì thế, tuy mới xuất hiện ở phương Tây nửa đầu thế kỉ XIX, cho đến giữa thế kỉ XX nhưng tiếng nói của triết học hiện sinh đã được nhiều tầng lớp xã hội đón nhận nồng nhiệt và đã tạo nên trong lịch sử triết học một trào lưu tư tưởng có sức lan tỏa sâu rộng không những khắp châu Âu mà trên toàn thế giới. Không chú trọng bàn về vũ trụ xa xôi với những lẽ huyền vi của tạo hóa, triết thuyết hiện sinh coi trọng ý nghĩa nhân sinh, coi trọng tự do cá nhân, tính độc đáo và sáng tạo, tính tự chịu trách nhiệm của mỗi người. “Người ngang tàng là người không chịu đứng trong hàng ngũ của quần chúng vô danh. Người hiện sinh là người ngang tàng, vì họ ý thức rằng mỗi người là một kỳ diệu của Thượng đế, mỗi con người là một cái gì độc đáo” (Trần, 2018, tr. 28). Từ vấn đề Nhân vị - vấn đề trung tâm của chủ nghĩa hiện sinh, các triết gia hiện sinh đã phát triển thành những phạm trù cụ thể như là nền tảng để luận giải về con người và những vấn đề của cuộc sống nhân sinh. Nhìn vào hành trình tiếp nhận triết thuyết hiện sinh, chúng ta nhận thấy rằng tuy không phải là tôn giáo nhưng chủ nghĩa hiện sinh lại mang triết lý về thân phận con người, với những khắc khoải, âu lo, gắn với sự sống và cái chết của con người, khám phá con người... nên chủ nghĩa hiện sinh chi phối không ít trong tư tưởng sáng tác của các nhà văn. Văn học hiện sinh là văn học thân phận. Sự giao thoa giữa chủ nghĩa hiện sinh với văn chương lời cuốn, kịch lệ con người. Tuy mang trong mình đầy nghịch lý nhưng người ta vẫn bị cuốn theo nó để cùng buồn, cùng vui, cùng ngạo nghễ với đời, hay cùng bối rối lo sợ và đón đau. Bởi thế, chủ nghĩa hiện sinh với tinh thần nhân văn của nó đã trở thành một khuynh hướng quan trọng góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng cho nền văn chương nhân loại.

Sự du nhập, bén rễ và nảy nở của chủ nghĩa hiện sinh trong lòng xã hội Việt Nam cũng như trên văn đàn đô thị miền Nam giai đoạn 1954-1975 đã tạo ra một tầng lớp trí thức trẻ tuổi dần thân, có ý thức về tự do và bản ngã, cùng với đó là sự ra đời của hàng loạt các tác phẩm văn học ở miền Nam mang đậm dấu ấn hiện sinh. Dù xuất hiện muộn hơn một thập niên so

với năm nhà văn nữ vang bóng một thời là Nhã Ca, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Túy Hồng, Trùng Dương, nhưng các sáng tác của Trần Thị NgH nhận được sự quan tâm đặc biệt từ độc giả, được độc giả đánh giá cao vì văn phong đậm dấu ấn cá nhân, và “đích thực có ý thức hiện sinh” (Thụy, 2020, tr. 95). Cùng với các tập truyện như *Nhà có cửa khóa trái* (NXB Hội nhà văn, 2012), *Nhấn rúm* (NXB Hội nhà văn, 2012), tập truyện *Lạc đạn* được xuất bản từ sau năm 2000. *Lạc đạn* gồm truyện *Lạc đạn* và mười truyện ngắn khác là *Phòng cho thuê*, *Cocktail*, *Sinh nhật*, *Khoanh vùng*, *Người đàn bà nằm*, *Người đàn bà hai con*, *Ngọ khúc*, *Lexomil*, *Tuyệt tác*, *Chín biển khúc quanh tuyệt tác*), trong đó chỉ duy nhất truyện *Lạc đạn* được viết trước năm 1975. *Lạc đạn* có dung lượng là một truyện vừa, được viết trong thời gian từ 1969 đến năm 1973, tại Sài Gòn - khoảng thời gian đầy biến động từ chính trị, kinh tế đến văn hóa tư tưởng, đặc biệt là luồng tư tưởng hiện sinh đã chín muồi tác động mạnh mẽ đến tư tưởng hiện sinh trong chính nữ nhà văn. Bên cạnh đó, dấu ấn hiện sinh trong sáng tác của Trần Thị NgH trước 1975 được thể hiện đậm nét qua các tác phẩm như: *Chủ nhật* đăng trên tạp chí Vấn Đề (1970; sau đó đăng trên các tạp chí khác là *Giả Thiệt*; Xuân Tân Hợi 1971); *Nhà có cửa khóa trái* đăng trên tạp chí Văn (1972), *Những ngày rất thông thả*; *Hè tiếp tục* (đăng trên tạp chí Văn số xuân 1973); *Nghỉ mát ở bãi biển* đăng trên tạp chí Văn (Số 1 - 11 - 1974), nhất là từ truyện *Nhà có cửa khóa trái*.

Biến cố chính trị năm 1975 khiến *Lạc đạn* chưa kịp ra mắt độc giả đương thời, song *Lạc đạn* vẫn mang đặc điểm của văn học giai đoạn trước 1975 và các dạng thức của tinh thần hiện sinh như buồn nôn và phi lý, cô đơn, nổi loạn, tự quyết, dần thân, cái chết... trong đó đậm nét nhất là cảm thức cô đơn và nổi loạn được khắc họa sâu sắc thông qua hình tượng nhân vật Nguyệt.

2. Cảm thức cô đơn thân phận, cô đơn trong tình yêu

Theo tâm lý học, cô đơn được hiểu là một trạng thái cảm xúc phức tạp và thường gây khó chịu, dễ rời khiến con người phản ứng lại với hiện thực xã hội. Cô đơn thường là những xúc cảm, những cảm giác lo lắng của con người về sự thiếu kết nối hay thiếu giao tiếp với những cá nhân khác, cả ở hiện tại cũng như trong tương lai. Bởi thế, khi đối diện với cuộc

sống, với cộng đồng, con người nhận biết được sự cô đơn. Hành trình sống của con người là hành trình kiếm tìm để khẳng định nhân vị độc đáo. Tuy nhiên con người không thoát khỏi sự cô đơn, luôn phải đối diện với nỗi cô đơn trong đời. Trong khoảng trống cô đơn ấy, con người luôn có một thế giới riêng và luôn khao khát tìm lại chính mình trong thế giới riêng đó. Trong quan điểm của triết học hiện sinh, con người không chọn cho mình được sự sinh ra và không thể thoát khỏi cái chết nhưng có thể chọn được cách sống và chết, cách sống có ý nghĩa nhất là sống và chết như một nhân vị độc đáo. “Thành thử con người tự cảm thấy cô đơn, một mình gánh vác vận mệnh của mình, không ai sống thay và chết thay cho ta được” (Trần, 2018, tr. 41). Chính sự ám ảnh về sự cô đơn đã thôi thúc con người nhận thức về hiện thực một cách sâu sắc hơn. Sự cô đơn ở nhân vật Nguyệt trong Lạc đạn của Trần Thị NgH khởi nguồn từ cảm thức hiện sinh về nỗi cô đơn thân phận, cô đơn trong tình yêu.

2.1. Cô đơn trong thân phận

Nhà văn Trần Thị NgH sinh ra và trưởng thành trong thời đại đầy biến cố về chính trị, xã hội, cùng với những biến cố gia đình, với nỗi ám ảnh đau thương của chiến tranh nên sáng tác của Trần Thị NgH ít nhiều mang tâm thức của một thế hệ đổ vỡ niềm tin, buồn nôn trước sự phi lý của chiến tranh, của cuộc đời. Chính bối cảnh ấy, cùng với sự du nhập của tư tưởng hiện sinh đã tác động mạnh mẽ đến cảm xúc của nhà văn trong quá trình sáng tạo để khẳng định cái tôi bản thể, để khẳng định nhân vị tự do, sự cô đơn. Khi cô đơn, con người thường tìm tới văn chương để cõi trí lòng mình cũng như nói hộ lòng người.

Trong tư tưởng hiện sinh, cô đơn là bản thể, là tự nó, là cách nó cảm nhận về cuộc đời: khó khăn, không thể gắn kết. Cô đơn thân phận là là cảm giác sống giữa cuộc mà như bị lạc lõng và cô lập với những người xung quanh, ngay cả với những người thân yêu nhất, từ đó tạo ra các rào cản vô hình khiến các mối quan hệ trở lên xa cách. Khiến con người cảm thấy đốn đau. Nỗi cô đơn thân phận ở nhân vật Nguyệt trong Lạc đạn của Trần Thị NgH luôn vận động, chuyển đổi trạng thái theo nhiều dạng thức khác nhau, theo dòng chảy của thời gian. Mọi trạng thái cảm xúc của nhân vật đều khởi nguồn từ sự cô đơn. Chính sự cô đơn đã gọi lên trong tâm trí nhân vật những xao xuyến, khắc khoải và cả những đốn đau. Trạng thái cô đơn trong nhân vật Nguyệt của Lạc đạn khởi nguồn từ

tuổi thơ, ám ảnh cô đơn dần trải, kéo dài cho đến khi con người nhận thức đầy đủ về nó nhưng dường như vẫn chưa thoát được vòng kim cô ấy để rời nhân vật luôn chìm ngập trong nỗi cô đơn.

Mở đầu truyện, cũng là sự mào đầu cho số phận của một con người trên hành trình hiện sinh. Là nhân vật trung tâm, nhưng ở phần đầu truyện Nguyệt không được gọi theo tên của mình, mà chỉ được gọi là “đứa nhỏ”. Chính cách gọi tên độc đáo này (phổ biến dành cho những đứa trẻ “không được/ không thể định danh cuộc đời”) giúp người đọc muông tượng về số phận của nhân vật: cô đơn, lạc lõng giữa cuộc đời. “Đứa nhỏ” được sinh ra trong cõi đời dường như là để đồng hành cùng sự cô đơn. Một tuổi thơ với nhiều biến cố: ngay từ khi mới lọt lòng, số phận của “đứa nhỏ” bị má tính bỏ rơi, cho người khác nuôi “Đứa nhỏ được đặt tên Nguyệt. Má già mệt không muốn nuôi đứa nhỏ định mang nhờ vợ Tám Ngô cho bú” (Trần, 2012, tr. 24), thiếu vắng hạnh phúc, thiếu vắng sự quan tâm và chở che từ cha mẹ, anh chị, và đặc biệt là mất đi niềm tin từ các thành viên trong gia đình, với người cha của mình “Đứa nhỏ không bao giờ tin. Nó bị gạt hoài” (Trần, 2012, tr. 6). Chính điều đó khiến “đứa nhỏ” hay khóc, cô độc, ốm yếu... Chính hoàn cảnh ấy khởi nguồn cho sự rối loạn về tâm lý, cho nỗi cô đơn thống khổ vì thất thế mọi thứ, mất mát mọi thứ trong cuộc đời của “đứa nhỏ” tội nghiệp. Tuổi thơ là quãng thời gian đẹp nhất của cuộc đời, quãng thời gian ấy lưu dấu ấn của những niềm vui ấu thơ với gia đình, với bè bạn với quê hương. Thế nhưng với “đứa nhỏ”, tuổi thơ ấy dường như không có. Ký ức tuổi thơ của “đứa nhỏ” chỉ là sự lạc lõng giữa đời, là những lần chạy trốn mưa bom, lửa đạn của chiến tranh. Tuổi thơ của “đứa nhỏ” là “những ngày ướt át và buồn” (Trần, 2012, tr. 10), khiến “nó sống lầm lì không ai chơi” (Trần, 2012, tr. 23-24).

Nỗi cô đơn thân phận cứ dần trải theo năm tháng, theo dòng chảy của thời gian. Khi nhân vật được miêu tả với tên Nguyệt cũng là lúc bắt đầu cho sự tự ý thức về bản thể, ý thức về thân xác, giá trị con người, luôn ghi nhận và cũng luôn giấu cợt về những thay đổi trong con người mình. Lớn lên, chính Nguyệt cũng cảm nhận mình “không có người bạn nào cả (...) sống từ nhỏ tới lớn không ai chơi” (Trần, 2012, tr. 39). Tuổi thơ bất hạnh đã khiến Nguyệt luôn dằn vặt, đau khổ, tuyệt vọng và bị nhấn chìm bởi những ám ảnh về nỗi buồn, niềm cô đơn của thân phận con người “em không có tuổi thơ tuổi trẻ” (Trần, 2012, tr. 57).

Nguyệt cảm nhận về thân phận, về tuổi trẻ trong nỗi cô đơn lạnh buốt, mỗi bước chân đi qua in dấu cuộc đời là hành trình Nguyệt một mình lẻ loi, cô đơn và tuyệt vọng. Phải chăng, chính nhà văn Trần Thị NGH đã từng ném trái qua dư vị của nỗi cô đơn trong sự tê tái đến cùng cực, trong niềm khắc khoải ưu tư, từ đó nhà văn tìm được thái độ ứng xử với cô đơn, khai phóng khả năng sáng tạo nghệ thuật của mình, gửi nỗi cô đơn trong từng trang viết. Bởi “nỗi cô đơn của văn chương là nỗi cô đơn mà nếu không có nó sẽ không có tác phẩm, hoặc là tác phẩm sẽ phải nhỏ từng giọt máu để tìm xem phải viết thêm gì” (Duras, 1993, tr. 13). Để giải tỏa nỗi cô đơn trong tâm hồn, nỗi cô đơn thân phận, người nghệ sỹ không còn con đường nào tốt hơn là sáng tạo thế giới nghệ thuật cho riêng mình. Vì thế nỗi cô đơn thân phận trở thành một phương thức thẩm mỹ để thi sĩ giải mã những khoảng lặng của tâm hồn. Để rồi những tâm tư của nhà văn gửi gắm vào hậu thế mai sau qua những trang giấy mỏng manh nhưng rất bóng nổi niềm thời đại.

Cảm thức cô đơn trong Nguyệt luôn khắc sâu vào nỗi đau, vào chính bản thân cô, khiến cô luôn trăn trở trước nỗi đau cuộc đời trong niềm ám ảnh về sự cô đơn. Nguyệt chỉ biết kêu gào lên như sự oán trách số mệnh, oán trách người cha vô tâm đã để lại một bi kịch cuộc đời cho con gái của mình: “Ba chưa bao giờ biết tôi sinh sống ra sao, tôi thành đàn bà hồi nào” và “Ba chưa bao giờ biết ba đã làm tiêu từng tuổi thơ của tôi, tôi lớn lên đau yếu oặt oại vì rượu di truyền, tôi chết ngộp trong hũ hèm bụng bí... Ba cô đơn. Xin lỗi, nhà này ai cũng cô đơn kịch liệt” (Trần, 2012, tr. 61). Càng nhận thức rõ về thân phận, về sự trống vắng, cô đơn, Nguyệt càng cảm thấy tuyệt vọng, càng rơi vào sự lạc lõng, cô đơn đến tột cùng. Còn gì chua xót hơn khi con người lại cảm thấy cô đơn trong chính gia đình mình, trên chính mảnh đất nuôi dưỡng ta nên người. Chính vì thế mà những lời tâm sự, kể lể trong bức thư viết gửi cho chị Tầm càng cho thấy Nguyệt đang rất cô đơn, rất cần sự chia sẻ và đồng cảm: “Những điều tôi viết trong thư gửi chị tưởng đâu là những tuôn chảy, trào nổi bởi chữ nghĩa, hay thành thật hơn đó là tiếng kêu khẩn thiết của tôi ở một lúc nào” (Trần, 2012, tr. 58). Tuổi trẻ đã mang đầy nỗi buồn đau trên vai, để rồi cảm thức cô đơn thân phận đến với Nguyệt như là một hệ quả tất yếu của sự đổ vỡ niềm tin cùng tuyệt vọng bao trùm hiện thực. Con người lẫn tránh hay đối mặt với hiện thực đều thấy mình cô đơn. Và khi con người ta đến tận cùng của sự

cô đơn, cũng là lúc con người sống cháy bỏng khao khát. Tận cùng của sự bơ vơ, lạc loài cũng chính là lúc cảm thức hiện sinh sâu sắc về hiện thực. Trần Thị NGH ý thức rõ sự giới hạn của hiện hữu, hiểu được mọi cái đi qua đời mình đều có giá trị riêng của nó. Cũng chính bởi thế giới trong tâm thức nhà văn là những sự đổ vỡ, ám ảnh, cô độc, cuốn con người vào bi kịch của đời người, làm tổn thương vỡ nát tâm hồn vốn nhạy cảm của người nghệ sỹ. Đó cũng chính là cái tinh tế mà nữ nhà văn đã thể hiện qua nỗi cô đơn thân phận ở nhân vật Nguyệt.

2.2. Cô đơn trong tình yêu

Khi nỗi cô đơn đã chạm đến bến bờ tuyệt vọng thì mọi hiện hữu cũng trở thành vô nghĩa. Nguyệt đến với tình yêu để khẳng định cái tôi bản ngã, sự tự do yêu đương, mà hơn hết là hi vọng xóa nhòa nỗi cô đơn đang đeo bám. Dù dòng đời nghiệt ngã tiêu hủy số kiếp mỏng manh thân phận con người, thì Nguyệt cũng có những ước vọng để xóa nhòa khoảng trống cô đơn trong cảm thức để tìm lại con đường giao cảm với đời. Nguyệt cố gắng tìm cách bơi ra khỏi biển đời cô đơn bằng mối tình với Trường - mối tình đơn phương chớm nở từ thời học sinh. Những cử chỉ âu yếm, sự quan tâm của Trường làm “Nguyệt cảm thấy trí não càng lúc càng thay đổi theo những mơ tưởng mộng mị” (Trần, 2012, tr. 32), đã khiến cho Nguyệt “trong lòng cuồn dậy bão biển” (Trần, 2012, tr. 32). Mối tình đầu không thành, Nguyệt lại rơi vào trạng thái cô đơn, lạc lõng. Nhưng nỗi cô đơn trong tình yêu với Trường là nỗi cô đơn bản thể mang một vẻ đẹp thánh thiện của người con gái mới lớn bước vào khu vườn tình yêu mộng mị, với những mơ tưởng tràn ngập hương sắc, tình yêu ấy hướng con người tìm kiếm những giá trị cao thượng, đậm dấu ấn hiện sinh. Tình yêu ấy, mối tình ấy do Nguyệt tự lựa chọn, tự dấn thân, bởi thế “chỉ có con người mới tự do lựa chọn một cách thức, một thái độ sống, tức là ý thức để thành hiện sinh” (Nguyễn, 1999, tr. 80). Nhưng Trường dần dần chỉ còn là cái bóng để Nguyệt “đi một mình qua những nỗi bất hạnh, hạnh phúc, những vui buồn riêng rẽ độc lập không ai chia sẻ” (Trần, 2012, tr. 40).

Yêu, mộng tưởng để rồi rơi vào tuyệt vọng, rơi vào trạng thái cô đơn, buồn đau càng khiến Nguyệt sống buông thả mình hơn. Trải qua mối tình với Dự, một mối tình đầy sóng gió, Nguyệt càng trở nên già dặn hơn, tinh táo hơn. Nhưng, cũng từ đây, Nguyệt

đã đánh mất “trình”, cái trình của tâm hồn và thể xác để rồi trở thành đàn bà “lớn khản, chín héo” (Trần, 2012, tr. 56). Khi yêu, con người sẵn lòng mở cửa đón nhận người tình, tưởng là khám phá tích cực, khám phá xúc cảm bản thân, nhưng vô tình sự mở lòng ấy là đem đến sự sợ hãi và đau đớn. Nguyệt nghĩ mình làm chủ thân xác mình, nhưng có giây phút chợt giật mình, ghê tởm với hành động của chính mình: “Con sẽ tắm nước nóng, vuốt xà phòng rửa bay biến mùi đàn ông trên người, con sẽ kỳ cọ mình mây. Con sẽ ngủ. Con nguyên vẹn trong sạch của má, con trinh tiết” (Trần, 2012, tr. 51). Đau khổ, tuyệt vọng và thấu hiểu hơn cái lẽ ở đời, Nguyệt càng trở nên lãnh cảm và sợ hãi, cô tìm về bên cạnh người thân thiết lại càng cảm thấy hụt hẫng và cô đơn hơn khi “má coi em như ghẻ lở hôi hám” (Trần, 2012, tr. 57). Không gì đau đớn và tuyệt vọng hơn khi con người cảm thấy cô đơn, lạc lõng ngay trong chính những người thân yêu nhất, trong gia đình của mình. Với Tấn, Nguyệt muốn người ấy sẽ khuất lấp vết thương tinh thần và giúp xoa dịu tâm hồn, nỗi cô đơn trong cô. Nhưng không, anh ta đến với Nguyệt không phải bởi sự yêu thương, sẽ chia mà chỉ là những toan tính nhục dục trên thân xác của cô gái đã mất đi chữ trinh, và rồi “sau rốt Tấn cũng ngao ngán trốn biệt” (Trần, 2012, tr. 59), chỉ còn lại Nguyệt “chơi vọc một mình ê hề với cái trinh tiết đã rách bươm toi tả” (Trần, 2012, tr. 59). Dám dấn thân nên Nguyệt cũng sẵn sàng đón nhận và chịu đựng nỗi cô đơn bởi “người hiện sinh không lẩn tránh sự cô đơn mà là đảm nhiệm cô đơn. Con người cô đơn vì tự mình làm nên mình, không sống theo một mẫu người nào cả. Con người cô đơn cho nên càng đau khổ, luôn sống trong tấn bi kịch của cuộc đời” (Nguyễn, 1999, tr. 103). Chính điều này khiến tâm hồn Nguyệt càng trở nên tuyệt vọng, càng rơi vào hố thẳm của sự cô đơn không lối thoát. Nguyệt muốn trốn tránh, muốn chối bỏ cô đơn. Nhưng làm sao để thoát khỏi sự thật nghiệt ngã ấy? Cô đơn luôn đeo bám lấy con người. Bởi khi đến với cuộc đời, con người đến trong sự cô đơn và khi từ già cõi đời, con người cũng ra đi trong sự cô đơn. Trong hành trình sống của mỗi người, không phải không có những ngày cô đơn tuyệt vọng, lạc lõng giữa dòng đời xô đẩy. Tình yêu không cứu rỗi được niềm cô đơn thể kỷ trong nỗi lòng Nguyệt. Tất cả giờ chỉ còn sự nuối tiếc, đổ vỡ của tình yêu. Càng yêu càng cô đơn. Tình yêu với Nguyệt trong *Lạc đạn* là sự trải nghiệm thân xác, tò mò mà tinh táo, cô đơn da diết và thất

vọng đau đớn. Tình yêu của nhân vật trong truyện là sự khẳng định cái tôi cá nhân, là sự xác quyết về chủ quyền với bản thể, con người mình nhưng cũng minh chứng cho sự bế tắc không lối thoát, vì đi đến tận cùng nhân vật vẫn chỉ gặp cái bóng gãy đổ của mình và nỗi cô đơn trần trụi, nguyên vẹn, không ai có thể chia sẻ nổi.

Nhà phê bình Võ Phiến cho rằng “Trần Thị NgH khiến người ta ngỡ ngàng vì ở đây tình yêu nó mới lạ làm sao. Ở đây không có người đẹp nào, không có tình cảm thiết tha, không có say mê đắm đuối, không có thân xác nóng bỏng, ánh mắt nụ cười cũng không [...] Một thế giới yêu đương ... hoang tàn” (Võ, 2020, tr. 103-104). Đó chính là hương vị riêng, một hương vị đậm phong cách Trần Thị NgH khi viết về tình yêu giữa một xã hội mà tư tưởng khắc kỷ của nho gia đã thấm sâu vào trong từng nếp nghĩ của con người Việt Nam. Trần Thị NgH đã mang tâm lý của thời đại mình đang sống để viết về tình yêu. Đó là thời đại của những người con gái vừa lớn lên đã thấy cuộc sống buồn thảm cô đơn và tìm cách vui chơi, đã lấy tình yêu làm chuyện vui chơi, may rủi. Nhưng tình yêu trong sáng tác của Trần Thị NgH nó không còn non trẻ, hời hợt như độ tuổi của nhà văn (Lúc đó nhà văn mới 18 tuổi), mà “tình yêu ấy nó già dặn chính nhờ một bút pháp già dặn” (Võ, 2020, tr. 108) và hơn hết là cảm thực hiện sinh sâu sắc trong tư tưởng nhà văn.

Trong *Lạc đạn*, không chỉ nhân vật Nguyệt cô đơn, nỗi loạn mà hầu hết các nhân vật đều cô đơn. Cha mẹ Nguyệt có đến 10 đứa con, nhưng chưa bao giờ hợp nhau, chung sống hạnh phúc. Những cuộc say triền miên của người cha, ý định tự tử, những hành vi khó hiểu... đều biểu hiện cho sự rối loạn về tâm lý, cho nỗi cô đơn thống khổ vì thất thế mọi thứ, mất mát mọi thứ trong cuộc đời. Trường cũng cô đơn, xa cách với vợ dù Nga hiền lành, tốt bụng. Các nhân khác như Dự, Tấn cũng cô đơn theo nhiều dạng thức khác nhau. Truyện phơi bày một thế giới không có sự gắn kết, gãy đổ niềm tin, tuyệt vọng mênh mông... Dù cố gắng, họ vẫn khó khăn để kết nối, tương tác với nhau, kể cả ngôn ngữ giao tiếp. Mỗi người đều có một thế giới riêng, đều bị ngăn cách và vùi vẩy trong vũng lầy cô đơn do chính mình tạo ra. Đây cũng là hiện thực miền Nam trong những năm chiến tranh ở giai đoạn cao trào và con người đã mất mát nhiều, nhất là niềm tin.

3. Nỗi loạn để khẳng định bản thể, khẳng định nhân vị

Cuộc đời nhiều khi là thảm kịch bi đát, con người luôn cảm thấy cô đơn trước cuộc đời và bi kịch của số phận, song con người vẫn luôn là chủ thể và là một nhân vị tự do. Vì thế sự nổi loạn hay sự phản kháng của con người là để chống lại nỗi cô đơn cũng như bi kịch của cuộc đời, tạo ra một thế giới mới, tạo ra một vận mệnh mới cho mình cũng như để tự khẳng định mình. Trong quan điểm của mình, A. Camus đã diễn đạt về tồn tại của con người, một trong những vấn đề cơ bản của triết học và nhận được sự hưởng ứng rộng rãi của độc giả. Về con người, ông cho rằng “Trước đây là câu hỏi để tìm xem cuộc sống có ý nghĩa đáng sống hay không. Ngược lại, bây giờ điều rõ ràng là cuộc sống càng vô nghĩa thì càng phải sống. Sống một kinh nghiệm, một số mệnh đặc biệt, là chấp nhận nó một cách đầy đủ” (Camus, 2005, tr. 51). Từ quan niệm của Camus, chúng ta có thể khẳng định khi con người vươn lên để thoát khỏi nỗi cô đơn thì nổi loạn là yếu tố tất yếu. Nổi loạn là hành trình con người tìm giải pháp cho đời sống nội tâm, tinh thần, cho nỗi cô đơn dường như đang không đủ sức chịu đựng những áp lực của cuộc sống..., để rồi con người ngày càng có thiên hướng muốn nổi loạn, phá huỷ đời sống hoặc là để khẳng định cái tôi bản thể, khẳng định nhân vị, định tình yêu tự do...

3.1. Nổi loạn để khẳng định cái tôi bản thể

Không như chủ nghĩa lãng mạn xem cô đơn như là một xúc cảm của con người trước hiện thực cuộc sống, chủ nghĩa hiện sinh xem con người cô đơn từ trong bản chất. Để rồi, từ sự cô đơn ấy, con người khát khao đi tìm cái tôi bản thể. Nguyệt trong *Lạc đạn* của Trần Thị NgH cũng không ngừng tìm kiếm sự hiện hữu của cá nhân, ý nghĩa của bản thân, của cái tôi bản thể trong vòng xoáy của thời đại khi cô đã ý thức về sự tồn tại của chính mình bằng sự vươn lên không ngừng, đột phá qua những giới hạn của bản thân, của lễ giáo phong kiến.

Sống trong xã hội mà tư tưởng còn nhiều cổ lệ, Nguyệt đã ý thức được rằng thân xác thuộc về mình. Đó là sự hiện hữu của cảm thức hiện sinh sâu sắc. Nguyệt biết rằng tương lai đầy huyền nhiệm, còn bao nhiêu yếu tố chưa thể hiện ra rõ rệt, và mình sẽ quyết định lấy. Không ai quyết định thay cho mình được. Thân xác là mình, mình muốn trao mình cho

ai, vào lúc nào là do mình quyết định, chứ không phải do người khác tạo dựng hay sắp đặt. Con người phải sống là chính mình cho dù phải trải qua những cay đắng, gian truân. Hay nói như Heidegger, “Con người là một cái gì vượt lên trên chính nó” (Heidegger, 1972, tr. 74). Bởi thế, Nguyệt nhìn hiện thực cuộc sống không như lẽ ra nó phải có mà nhìn hiện thực như nó vốn có. Với cái nhìn đầy cá tính ấy là biểu hiện rõ ràng nhất cho cảm thức hiện sinh ở Nguyệt, cho sự nổi loạn để khẳng định nhân vị tự do. Sự trải lòng của Nguyệt về những hành động của mình đã minh chứng cho ý thức về cảm thức tự do của cái tôi bản thể trước hiện hữu cuộc đời và tự do trong tình yêu: “Tôi là một người có tâm sự, nhìn cuộc đời bi quan và với chút ít học thức hiểu biết nhờ sách vở tôi làm bộ khinh miệt đời sống, sống buông thả liều mạng, làm như tôi là một người đang bị nhiễm hóa bởi tất cả những cái đó rồi đột ngột tôi gặp tình yêu [...] Thực ra tôi ý thức được hết những chuyện này” (Trần, 2012, tr. 41-42). Nguyệt không phải là người lưu manh hóa hay hư hỏng, không bông bột hay nông nổi. Mọi sự nổi loạn vẫn chỉ biểu hiện trong tâm thức là chính. Nguyệt rất tỉnh táo trước những hành động của mình, Nguyệt ý thức được hết những hành động, việc làm của mình, những sự việc xảy đến với nàng như là sự sắp đặt trong suy nghĩ. Nguyệt đã vượt lên những định kiến của lễ của lễ giáo, đạo đức đương thời, hành động, để làm cũng như quyết định lấy số phận và tương lai của cô đó chính là sự nổi loạn trong tâm thức để khẳng định mình. Vượt qua cả không gian, giới hạn cho phép của một người phụ nữ *chính chuyên* đương thời, Nguyệt “có thuốc lá, hộp quẹt trong bóp” (Trần, 2012, tr. 39), Nguyệt đi xi-nê, đi nghe nhạc, ngồi quán nước mù mịt khói thuốc, để tóc xõa, vẽ mắt đen kịt cho có vẻ gây cảm nội tâm, chủ động viết thư cho bạn trai với giọng đả đốn suốt mướt... Dường như Nguyệt cố bẻ gãy cách hành xử thông thường của gái chính chuyên để khẳng định cái tôi bản thể. Các cuộc tình với Trường, Dự, Tấn do chính cô dẫn thân vào, chỉ để chứng tỏ thân xác là của riêng mình, do mình quyết định, cô yêu Trường nhưng vẫn hẹn hò với Dự, với Tấn; không yêu Thẩm nhưng không phản đối tình yêu đồng tính ấy. Đó là sự điên rồ do giằng xé tìm kiếm sự hiện diện của một cái tôi đầy ý thức về tự do bản thể hay sự tồn sinh của mình trước sự vô nghĩa của tư duy và hành động.

Hành trình của con người là là một hành trình không ngừng chuyển tiếp đi lên từ khi sinh ra cho đến khi chết đi. Vì thế “hiện hữu là một siêu việt vĩnh viễn, nghĩa là vượt lên trên cái mà người ta hiện là” (Foulquie, 1970, tr. 65), và “Người hiện sinh nhất quán không theo chuẩn mực nào cả, ngoài chuẩn mực của chính mình. Cái mà con người phải làm không có ở đâu hết mà phải sáng tạo ra [...] Kiếp người sinh ra từ ngẫu nhiên cho nên đó là một bất đắc dĩ và sự lựa chọn cơ bản của con người cũng là tự do bất đắc dĩ” (Nguyễn, 1999, tr. 96). Như vậy, từ việc hút thuốc lá, đi dạo một mình hay ở những cuộc tình khác nhau, kể cả mối tình đồng tính với Thấm, nếu không xuất phát từ cảm thức hiện sinh về khát vọng tự do được đốt cháy đến giai đoạn nổi loạn thì Nguyệt không thể vượt qua được hiện thực đầy oan nghiệt, do chính cô lựa chọn để khẳng định mình, khẳng định cái tôi bản thể.

3.2. Nổi loạn để khẳng định nhân vị tự do

Khẳng định cái tôi hiện sinh còn là tiếng kêu đòi cho quyền tự do yêu đương để khẳng định nhân vị, được thỏa mãn những khát vọng luyến ái. Khát vọng ấy là bản năng gốc đã trỗi dậy mãnh liệt trong Nguyệt, cũng chính là một trong những chiều sâu tâm lý được Trần Thị NgH xoáy sâu miêu tả. Ý thức về sự hiện hữu của cái tôi bản thể luôn được Nguyệt lý giải. Sự lý giải ấy cho thấy cô nổi loạn nhưng luôn có sự đắn đo và dự phóng: “Tôi bỏ cư xá trước hết vì cảm thấy không thể tiếp tục đời sống hợp quần trong đó. Tôi xả thân bằng thiện chí giả dối. Chỉ là một cái vỏ mà thôi. Tôi tưởng tôi hạnh phúc với Thấm nhưng rõ ràng là mọi người đã đến với nhau với ít nhiều tư lợi” (Trần, 2012, tr. 77-78). Tự dán thân vào mối tình đồng tính như một trải nghiệm trên hành trình hiện sinh của mình, Nguyệt tìm thấy những cảm xúc mà chưa bao giờ cô có được với một người khác giới: “Khuya hai người ôm nhau như một đôi tình nhân. Thấm rà đôi môi nhỏ trong cổ tôi, đôi vú non căng nở phập phồng, hốt hoảng. Tôi kinh hãi và xúc động dầm dề. Tôi muốn la lớn trong cơn khoái cảm mộng mị và kì cục” (Trần, 2012, tr. 76) và “làm bộ hất hủi Thấm ban đầu nhưng sau đó vót vát lại liền không sao cầm giữ nổi” (Trần, 2012, tr. 77). Dẫu biết rằng “hạnh phúc, hòn lửa đỏ ngậm trong miệng” (Trần, 2012, tr. 49) và cảm nhận được mình đã có “một kỷ niệm xấu”, đã trở thành vết nhơ trong cuộc đời trinh bạch, đã bị

“bong”, nhưng cô gái trẻ, với hành trình nổi loạn để khẳng định tình yêu tự do ấy vẫn chấp nhận. Bởi đó là cái gốc trong cảm thức hiện sinh của con người. *Lạc đạn* không nói lên được cái vi diệu của tình yêu như thi ca, tình yêu của Nguyệt trong *Lạc đạn* lại là tình yêu của sự cô đơn trong âu lo, dằng dặc nhưng đã đạt đến giới hạn cuối cùng của những khát khao cháy bỏng. Sự tận hiến trong tình yêu bao giờ cũng là sự kết tủa của trái tim và lý trí. Tình yêu với Nguyệt khởi đi từ vô thức trong mối tình với Trường, đến sự tự nhận thức trong tình yêu tự do với Dự, với Tấn. Đó là cái nhìn về tình yêu như nó vốn có chứ không phải như nó phải có. Và đây cũng là điểm gặp gỡ diệu kỳ giữa văn chương và triết học hiện sinh. Bởi thế, khi đọc truyện của Trần Thị NgH, Công Huyền Tôn Nữ Nha Trang cho rằng, hệ thống nhân vật đều mang cá tính, phá cách, thoát khỏi chuẩn mực của lễ giáo đương thời, khẳng định cá tính, mang đậm dấu ấn hiện sinh. “Các nhân vật nữ trong câu chuyện của cô là những người phụ nữ độc lập, không bị sa lầy bởi câu hỏi về sự phù hợp với các chuẩn mực đã đặt ra, họ bước vào và rời bỏ mối quan hệ với những người đàn ông mà họ lựa chọn một cách lạnh lùng, không quan tâm” (Công, 1987).

Là văn nghệ sỹ, ý thức được sự vô thường của hiện hữu như Trần Thị NgH, lại càng cảm thấy mình cô đơn lạc loài trước cuộc đời, muốn nổi loạn để khẳng định khát vọng tự do, khẳng định nhân vị. Bởi thế truyện của Trần Thị NgH nói chung, *Lạc đạn* nói riêng là tiếng nói của nỗi cô đơn của con người muốn nổi loạn để khẳng định cái tôi bản thể, khát vọng tình yêu tự do, khẳng định nhân vị giữa một thời đại đầy biến động, để rời đi đến tận cùng nhân vật vẫn chỉ gặp cái bóng gãy đổ của mình và nỗi cô đơn trần trụi, nguyên vẹn, không ai có thể chia sẻ nổi. Với lối viết đơn giản, có khi rạch ròi, huých toẹt, khi thì đùa nghịch, vọc vờn, khi thì quanh co, ví von, khi thì quá ác, thâm trầm, đôi lúc tàn nhẫn bóc hết lớp vỏ mỹ miều bao quanh bộ mặt hiện thực để diễn tả chúng một cách trần trụi... Có khi nhà văn đóng vai một người khác, tinh táo quan sát, tinh quái và tàn nhẫn khi mổ xẻ tâm lý nhân vật đầy sâu sắc, tinh tế... văn chương Trần Thị NgH luôn mang đậm dấu ấn của khuynh hướng hiện sinh, luôn là một thế giới rộng mở, chứa đựng nhiều những tầng bậc cảm xúc và ý nghĩa sâu xa ẩn đằng sau mỗi tác phẩm.

4. Kết luận

Lạc đạn được viết trong bối cảnh miền Nam những năm chiến tranh ác liệt, căng thẳng. Con người bị quan trước số phận và thời cuộc. Văn chương Trần Thị NgH vì vậy đậm mùi hiện sinh, cô đơn, chán nản. Trong cô đơn, ý thức về giá trị bản thân luôn thúc dục con người ta đi tìm cái tôi bản thể. Dù có cô đơn, lạc lõng, bơ vơ trong cõi đời, bơ vơ tình yêu, hay trải qua bao đắng cay, gian truân thì nhân vật trong *Lạc đạn* vẫn lựa chọn cho mình một cách sống, một cách hiện hữu để vượt qua hiện thực đầy khắc nghiệt. Đọc *Lạc đạn*, có thể hiểu hơn về phong cách viết, tư tưởng nghệ thuật của nhà văn Trần Thị NgH. Và cụ thể hơn là tinh thần/ chủ nghĩa hiện sinh thể hiện trong văn học./.

Tài liệu tham khảo

- Camus, A. (2005). *The Myth of Sisyphus*. London: Penguin Group.
- Công, H. T. N. N. T. (1987). *Các nhà văn nữ miền Nam Việt Nam 1954-1975*. <http://www.second-sites.com/nhatr./womenwriters.html>.
- Duras, M. (1993). *Écrire. Viêt*. Trần Văn Công dịch (2010). Hà Nội: NXB Văn học.
- Foucault, P. (1970). *Chủ nghĩa hiện sinh*. Sài Gòn: NXB Nhị Tùng.
- Heidegger, M. (1972). *Hữu thể và thời gian, tập 1 (Trần Công Tiến dịch)*. Sài Gòn: NXB Quê Hương.
- Khuê, T. (2020). *Trần Thị NgH. Lạc đạn và mười truyện ngắn*. Quán văn, Số 77 tháng 11 năm 2020. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.
- Nguyễn, T. D. (1999). *Chủ nghĩa hiện sinh: lịch sử, sự hiện diện ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- Trần, T. Đ. (2018). *Triết học hiện sinh*. Thành phố Hồ Chí Minh: Công ty sách Thời Đại và NXB Văn học.
- Trần, T. N. (2012). *Lạc đạn*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.
- Võ, P. (2020). *Trần Thị NgH*. Quán văn, Số 77 tháng 11 năm 2020. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn.